TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** TỈNH THÁI BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tư do- Hạnh phúc**
Số: 112/2019/QĐST-HNGĐ	*Thái Thụy, ngày 16 tháng 07 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Căn cứ vào Điều 397; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

-Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

-Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

-Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 161/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 07 năm 2019 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn , thỏa thuận nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1). Anh Giang Văn C1, sinh ngày 28- 10- 1973; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn L1, xã T4, huyện T3, tỉnh Thái Bình.

2). Chị Trần Thị H1, sinh ngày 19- 11- 1988; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn T5, xã T6, huyện T3, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về quan hệ hôn nhân: Anh Giang Văn C1 và chị Trần Thị H1 tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã T6 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 16- 03- 2017; là hôn nhân hợp pháp . Vợ chồng và con chung đều có hộ khẩu tại xã T2, huyên T3, tỉnh Thái Bình. Trong quá trình chung sống, do tính tình không hợp nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ; khi vợ chồng mâu thuẫn, chị H1 đã bỏ về nhà bố mẹ để ở xã T 6 làm ăn và sinh sống . Hiện nay, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu nhau, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Chị H1 xác định: Hiện nay chị không mang thai. Do hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh C1 và chị H1 đã thuận tình ly hôn, cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận. Xét việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh C1 và chị H1.

[2].Về con chung: Vợ chồng anh C1- chị H1 có một con chung là Giang Thành Đ1, sinh ngày 06- 05- 2018. Anh C1- chị H1 đã thỏa thuận: Chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung ; anh C1 cấp dưỡng nuôi con chung theo mức 1.000.000đồng/1tháng; thời gian cấp dưỡng từ ngay 01 tháng 08 năm 2019 đến khi con chung thành niên.

[3].Về tài sản chung: Anh C1- chị H1 đều không yêu cầu giải quyết.

[4].Về án phí: Anh C1- chị H1 đã thỏa thuận: Anh C1 nộp toàn bộ lệ phí ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1). Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Giang Văn C1 và chị Trần Thị H1.

- Về con chung: + Vợ chồng anh C1- chị H1 có một con chung là Giang Thành Đ1, sinh ngày 06- 05- 2018.

+ Chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung ; anh C1 cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/1tháng; thời gian cấp dưỡng từ ngày 01 tháng 08 năm 2019 đến khi con chung thành niên.

+ Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

-Về tài sản chung: Anh C1- chị H1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.Về lệ phí Tòa án: Anh C1 nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí , lệ phí số số 0001861 ngày 08- 07 - 2019 của Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Anh C1 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
-Đương sự;
-VKSND huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
-Ủy ban nhân dân xã T6, huyện T3, tỉnh Thái Bình;
-Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Văn Tòng